

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

TÊN SẢN PHẨM: PIZZA HẢI SẢN

Số:130/TCB-FJM/2026

Tên công ty: CÔNG TY TNHH BÁN LẺ FUJIMART VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 142, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, thành phố Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 024.3942.4565 – Website: fujimart.vn



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 130/TCB-FJM/2026

**I/ Thông tin tổ chức tự công bố:**

- Tên công ty: **CÔNG TY TNHH BÁN LẺ FUJIMART VIỆT NAM**
- Địa chỉ: Số 142, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: 024-3942-4565 E-mail: thuy.nth@fujimart.vn
- Mã số doanh nghiệp: 0108432911
- Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATVSTP:
  - + Công ty TNHH Bán lẻ Fujimart Việt Nam – số 58/GCNATTPKD-SCT, ngày cấp 20/5/2024, nơi cấp: Sở Công Thương thành phố Hà Nội.
  - + Công ty TNHH Bán lẻ và Siêu thị Việt Nam – số 67/GCNATTPKD-SCT, ngày cấp 30/5/2024, nơi cấp: Sở Công Thương thành phố Hà Nội.
  - + Công ty TNHH Bán lẻ và Siêu thị Việt Nam – số 132/GCNATTPKD-SCT, ngày cấp 13/09/2024, nơi cấp: Sở Công Thương thành phố Hà Nội

**II/ Thông tin sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: **PIZZA HẢI SẢN**
  2. Thành phần: Phomai, bột mỳ, nước, tôm nõn (10%), râu mực ( 6,5%), sốt cà chua, hành tây, cà chua bi, ớt chuông, quả oliu, kem tươi, dầu oliu, mật ong, men khô, muối, lá Oregano, hạt tiêu.
  3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 2 ngày kể từ ngày sản xuất
  4. Hướng dẫn sử dụng: Sản phẩm ăn liền
  5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
    - Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 60g, 80g, 100g, 150g, .... Quy cách có thể thay đổi tùy theo nhu cầu thị trường và được ghi rõ trên nhãn sản phẩm.
    - Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong túi PA, PP, OPP/CPP, hộp nhựa, hộp giấy, túi giấy . .... được phép dùng trong thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.
    - Xuất xứ: Sản xuất tại Việt Nam
- Sản phẩm của Công ty: **CÔNG TY TNHH BÁN LẺ FUJIMART VIỆT NAM**  
Địa chỉ trụ sở: Số 142, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- ❖ Sản xuất tại các địa điểm kinh doanh trực thuộc Công ty TNHH Bán lẻ Fujimart Việt Nam
- Địa điểm kinh doanh số 3: Tầng 1 và 2, Tòa nhà Oriental Tower, 324 Tây Sơn, phường Đồng Đa, thành phố Hà Nội.

- Địa điểm kinh doanh số 5: Tầng 1, Tổ hợp thương mại văn phòng cho thuê Machinco 1, số 10 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- ❖ Sản xuất tại các địa điểm kinh doanh thuộc Công ty TNHH Bán lẻ và Siêu thị Việt Nam – Đơn vị trực thuộc Công ty TNHH Bán lẻ Fujimart Việt Nam
- Địa điểm kinh doanh số 2: Số 89 Bùi Ngọc Dương, phường Bạch Mai, thành phố Hà Nội.
- Địa điểm kinh doanh số 3: Tầng 1, số 51 Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
- Địa điểm kinh doanh số 4: Tầng 1, Tòa nhà MD Complex Tower, Khu đô thị Mỹ Đình I, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
- Địa điểm kinh doanh số 5: Tầng 1, Tòa nhà CT2 (The Light), Khu đô thị Trung Văn, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội.
- Địa điểm kinh doanh số 8: Tầng 1, 2 số 89 Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội.
- Địa điểm kinh doanh số 9: Số 4 Chính Kinh, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Địa điểm kinh doanh số 10: Tầng 2, dự án Diamond Plaza, số 25 Lê Văn Lương, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

### III/ Mẫu nhãn sản phẩm: Theo Thông tin mẫu nhãn đính kèm

Mẫu nhãn sản phẩm phù hợp với:

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa
- Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ: Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP cấp ngày 14/04/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

### IV/ Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm với:

1. Chỉ tiêu kim loại nặng theo QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm:

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Giới hạn tối đa |
|----------|-------------|-----------------|
| Cd       | mg/kg       | 0,1             |
| Pb       | mg/kg       | 0,2             |

2. Độc tố vi nấm theo QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm:

| Chỉ tiêu       | Đơn vị tính | Giới hạn tối đa |
|----------------|-------------|-----------------|
| Alfatoxin B1   | µg/kg       | 2               |
| Alfatoxin tổng | µg/kg       | 4               |
| Ochratoxin A   | µg/kg       | 3               |

3. Chỉ tiêu vi sinh vật theo tiêu chuẩn nhà sản xuất:

| Chỉ tiêu                     | Đơn vị tính | Giới hạn tối đa |
|------------------------------|-------------|-----------------|
| Tổng số vi sinh vật hiếu khí | cfu/g       | 10 <sup>4</sup> |
| Coliform                     | cfu/g       | 10              |
| Escherichia coli             | cfu/g       | 3               |
| Staphylococcus aureus        | cfu/g       | 10              |
| Clostridium perfringen       | cfu/g       | 10              |
| Bacillus cereus              | cfu/g       | 10              |
| Tổng số bào tử nấm men mốc   | cfu/g       | 10 <sup>2</sup> |

4. Thông tư 24/2019/TT-BYT Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2026



## MẪU NHÃN DỰ KIẾN

**Tên sản phẩm:** Pizza hải sản

**Thành phần:** Phomai, bột mỳ, nước, tôm nõn (10%), râu mực ( 6,5%), sốt cà chua, hành tây, cà chua bi, ớt chuông, quả oliu, kem tươi, dầu oliu, mật ong, men khô, muối, lá Oregano, hạt tiêu.

**Ngày sản xuất:** xem trên bao bì

**Hạn sử dụng:** 2 ngày kể từ ngày sản xuất

**Hướng dẫn sử dụng:** Sản phẩm ăn liền

**Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát

**Thông tin cảnh báo:** Không sử dụng sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng

**Xuất xứ:** Việt Nam

**Khối lượng tịnh:** xem trên bao bì

Sản phẩm của: Công ty TNHH Bán lẻ Fujimart Việt Nam

Địa chỉ: Số 142, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Sản xuất tại: (theo địa điểm sản xuất thực tế)

| THÔNG TIN DINH DƯỠNG (Nutrition facts)                        |                                  |
|---------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| Thành phần dinh dưỡng<br>(Nutritional ingredients)            | Trên 100g<br>(Serving size 100g) |
| Năng lượng                                                    | 194 kcal                         |
| Carbohydrate                                                  | 17,5 g                           |
| Chất béo                                                      | 7,44 g                           |
| Protein                                                       | 13,1 g                           |
| Natri                                                         | 334 mg                           |
| Đường tổng                                                    | 2,36 g                           |
| Hàm lượng dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn |                                  |



AR-26-VD-011974-01 / EUVNHC-00393244- Trang : 1 / 2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## CÔNG TY TNHH BÁN LẺ FUJIMART VIỆT NAM

Số 142, Đường Lê Duẩn, Phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám

TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : X4GD2512240622-HN

Mã số mẫu : 743-2025-00259149

Mã số Eol :

005-32410-632654

Tên mẫu :

Pizza hải sản

Tình trạng mẫu :

Mẫu đựng trong bao bì kín

Ngày nhận mẫu :

24/12/2025

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 15/01/2026

Thời gian thử nghiệm :

01/01/2026 - 15/01/2026

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM                                                         | ĐƠN VỊ      | PHƯƠNG PHÁP THỬ                            | KẾT QUẢ                    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------|----------------------------|
| 1   | VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng                                                  | g/ 100 g    | AOAC 991.43                                | 2.35                       |
| 2   | VDYL7 VD (a) Chất béo                                                       | g/ 100 g    | EVN-R-RD-2-TP-3498                         | 7.44                       |
| 3   | VDS54 VD (a) Chất đạm                                                       | g/ 100 g    | TCVN 10034:2013; ISO 1871:2009             | 13.1                       |
| 4   | VD4P0 VD (a) Đường tổng                                                     | g/ 100 g    | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20) | 2.35                       |
| 5   | VD4P0 VD (a) Fructose                                                       | g/ 100 g    | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20) | 0.80                       |
| 6   | VD4P0 VD (a) Glucose                                                        | g/ 100 g    | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20) | Phát hiện vết(<0.5)        |
| 7   | VD4P0 VD (a) Lactose                                                        | g/ 100 g    | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20) | Không phát hiện (LOD=0.15) |
| 8   | VD4P0 VD (a) Maltose                                                        | g/ 100 g    | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20) | 1.20                       |
| 9   | VD4P0 VD (a) Sucrose                                                        | g/ 100 g    | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20) | Không phát hiện (LOD=0.15) |
| 10  | VDERJ VD (m) Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)                      | g/ 100 g    | FAO Food and Nutrition paper 77            | 17.5                       |
| 11  | VD9T0 VD (m) Năng lượng (tính theo Carbohydrat không bao gồm xơ dinh dưỡng) | kcal/ 100 g | FAO Food and Nutrition paper 77            | 194                        |
| 12  | VD210 VD (a) Độ ẩm                                                          | %           | EVN-R-RD-2-TP-3496                         | 57.8                       |
| 13  | VD297 VD (a) Tro tổng                                                       | g/ 100 g    | EVN-R-RD-2-TP-3497                         | 1.81                       |
| 14  | VD6ZP VD (a) Natri (Na)                                                     | mg/ 100 g   | EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)      | 334                        |

Phát hiện vết: kết quả  $\geq$  LOD và  $<$  LOQ.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.



AR-26-VD-011974-01 / EUVNHC-00393244- Trang : 2 / 2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Trần Thị Mỹ Dung  
Giám Đốc Chi Nhánh Miền Bắc



Lý Hoàng Hải  
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 16/01/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 16/01/2026.

### Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải [www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/](http://www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/).

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sacký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.





AR-26-VD-002519-01 / EUVNHC-00393244- Trang : 1 / 2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## CÔNG TY TNHH BÁN LẺ FUJIMART VIỆT NAM

Số 142, Đường Lê Duẩn, Phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám  
TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : X4GD2512240622-HN

Mã số mẫu : 743-2025-00259148

Mã số Eol :

005-32410-632653

Tên mẫu :

Pizza hải sản

Tình trạng mẫu :

Mẫu đựng trong bao bì kín

Ngày nhận mẫu :

24/12/2025

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 05/01/2026

Thời gian thử nghiệm :

30/12/2025 - 05/01/2026

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM         | ĐƠN VỊ | PHƯƠNG PHÁP THỬ                                                                                  | KẾT QUẢ                     | GIỚI HẠN TỐI ĐA |
|-----|-----------------------------|--------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------|
| 1   | VW073 VW (a) Cadimi (Cd)    | mg/ kg | AOAC 2015.01                                                                                     | Phát hiện vết(<0.03)        | 0.2             |
| 2   | VW067 VW (a) Ochratoxin A   | µg/ kg | N79-R-RD1-TP-9395 (Tham khảo TCVN 12599:2018; EN 16007:2011)                                     | Không phát hiện (LOD=0.5)   | 3               |
| 3   | VW072 VW (a) Chì (Pb)       | mg/ kg | AOAC 2015.01                                                                                     | Không phát hiện (LOD=0.017) | 0.2             |
| 4   | VWHGN VW (a) Aflatoxin B1   | µg/ kg | N79-R-RD1-TP- 9745 (2022) (Ref. ISO 16050:2003); N79-R-RD1-TP- 9745 (2022) (Ref. TCVN 7596:2007) | Không phát hiện (LOD=0.5)   | 2               |
| 5   | VWHGN VW (a) Aflatoxin tổng | µg/ kg | N79-R-RD1-TP- 9745 (2022) (Ref. ISO 16050:2003); N79-R-RD1-TP- 9745 (2022) (Ref. TCVN 7596:2007) | Không phát hiện (LOD=0.5)   | 4               |

Giới hạn tối đa: theo QCVN 8-1:2011/BYT, QCVN 8-2:2011/BYT

Phát hiện vết: kết quả  $\geq$  LOD và  $<$  LOQ.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

Ký tên

Trần Thị Mỹ Dung  
Giám Đốc Chi Nhánh Miền BắcLý Hoàng Hải  
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 16/01/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 16/01/2026.



AR-26-VD-002519-01 / EUVNHC-00393244- Trang : 2 / 2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải [www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/](http://www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/).

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.





AR-26-VD-002215-01 / EUVNHC-00393244- Trang : 1 / 2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## CÔNG TY TNHH BÁN LẺ FUJIMART VIỆT NAM

Số 142, Đường Lê Duẩn, Phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám

TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : X4GD2512240622-HN

Mã số mẫu : 743-2025-00259147

Mã số Eol :

005-32410-632652

Tên mẫu :

Pizza hải sản

Tình trạng mẫu :

Mẫu đựng trong bao bì kín

Ngày nhận mẫu :

24/12/2025

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 05/01/2026

Thời gian thử nghiệm :

24/12/2025 - 27/12/2025

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM                         | ĐƠN VỊ | PHƯƠNG PHÁP THỬ                              | KẾT QUẢ                  | GIỚI HẠN TỐI ĐA |
|-----|---------------------------------------------|--------|----------------------------------------------|--------------------------|-----------------|
| 1   | VW041 VW (a) <i>Listeria monocytogenes</i>  | cfu/ g | ISO 11290-2:2017                             | Không phát hiện (LOD=10) | 10 <sup>2</sup> |
| 2   | VW00G VW (a) <i>Staphylococcus aureus</i>   | cfu/ g | ISO 6888-1:2021/ Amd 1:2023                  | Không phát hiện (LOD=10) | 10              |
| 3   | VW014 VW (a) <i>Clostridium perfringens</i> | cfu/ g | ISO 15213-2:2023                             | Không phát hiện (LOD=10) | 10              |
| 4   | VW015 VW (a) <i>Coliforms</i>               | cfu/ g | TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)               | Không phát hiện (LOD=10) | 10              |
| 5   | VW025 VW (a) <i>Bacillus cereus</i>         | cfu/ g | AOAC 980.31                                  | Không phát hiện (LOD=10) | 10              |
| 6   | VWAS2 VW (a) <i>Escherichia coli</i>        | cfu/ g | TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)          | Không phát hiện (LOD=1)  | 3               |
| 7   | VW012 VW (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí   | cfu/ g | ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022                   | 9.7x10 <sup>2</sup>      | 10 <sup>4</sup> |
| 8   | VW1P9 VW Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc    | cfu/ g | N79-R-RD2-TP-30102 (Tham khảo. AOAC 2014.05) | Không phát hiện (LOD=10) | 10 <sup>2</sup> |

Giới hạn tối đa: theo QĐ 46/2007/QĐ-BYT, QCVN 8-3:2012/BYT

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Trần Thị Mỹ Dung  
Giám Đốc Chi Nhánh Miền BắcLy Hoàng Hải  
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 16/01/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 16/01/2026.



AR-26-VD-002215-01 / EUVNHC-00393244- Trang : 2 / 2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải [www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/](http://www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/).

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

